

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 19/11/2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Duy Cường

2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2021/QĐST-HNGS ngày 01 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị T, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Văn H, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn H về chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 08/7/2010. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H sa vào các tệ nạn xã hội, chơi cờ bạc, ngoại tình. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, nhưng vì mong muốn níu kéo hạnh phúc gia đình để con có cuộc sống hạnh phúc nên chị đã nhiều lần tha thứ cho anh H. Tháng 9 năm 2017 mâu thuẫn gia đình trở nên trầm trọng, chị đã cố gắng níu kéo cho đến tháng 9 năm 2020 thì vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau và chính thức sống ly thân cho đến nay. Vợ chồng mỗi người ở mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai.

Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đinh Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Đinh Văn T1, sinh ngày 28/6/2010. Chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về phía anh Đinh Văn H:* Quá trình thụ lý và giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản khác theo quy định của pháp luật nhưng anh H không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã giao các văn bản cho ông Đinh Văn H (bố đẻ anh H). Ông H cam kết sẽ giao (thông báo) ngay cho anh H biết nhưng trong thời hạn 15 ngày anh H không gửi ý kiến của mình, cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh Đinh Văn H ở thôn Đ, xã C, huyện Nông Cống, ông H cho biết: Con trai ông có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã C, huyện N, Thanh Hóa, hiện nay anh H đang làm việc trong miền Nam. Anh H không cung cấp địa chỉ nơi ở và nơi làm việc cho ông nhưng anh H thường xuyên liên lạc bằng điện thoại về với gia đình. Ông đã trực tiếp gọi điện thoại thông báo cho anh H biết nội dung văn bản của Tòa án đã tổng đạt và động viên anh H về để đến Tòa án làm việc nhưng do đại dịch Covid - 19 cũng như bận công việc nên anh không thể về Tòa án làm việc được. Anh H có trao đổi với ông H1: Về hôn nhân anh đồng ý ly hôn chị T. Về con chung anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con. Về tài sản và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quan điểm của ông Đinh Văn H1: Người thân trong gia đình đã động viên hai con nhiều lần nhưng tình trạng mâu thuẫn giữa hai con vẫn không thể cải thiện được nên gia đình ông cũng thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho hai con.

* Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật tại Điều 48 và Điều 49 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Chị Bùi Thị T đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, khoản 2 Điều 227 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với anh Đinh Văn H chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ, không có mặt tại phiên tòa, không có lý do chính đáng. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Đinh Văn H. Về con giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên không đề nghị xem xét. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Bùi Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Đinh Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Đinh Văn H đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh H theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Đinh Văn H dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/7/2010 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Sự việc xảy ra đã được hai bên gia đình giàn xếp nhưng không đạt kết quả. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị có nguyện vọng xin được ly hôn anh H. Về phía anh H biết Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án nhưng anh không nộp văn bản nêu ý kiến cũng không đến để Tòa án tổ chức hòa giải, thể hiện việc anh H không quan tâm đến hạnh phúc gia đình và có ý bỏ mặc dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là Đình Văn T1, sinh ngày 28/6/2010. Chị T xin được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng. HĐXX xét thấy, nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con của chị T là chính đáng, phù hợp với điều kiện thực tế nên chấp nhận; về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

- Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu nên không xét.

[4]. Về án phí: Chị Bùi Thị T khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 ; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Bùi Thị T được ly hôn anh Đình Văn H.

2. Về con: Giao cháu Đình Văn T1, sinh ngày 28/6/2010 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng. Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn) chị Thủy đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0002427 ngày 23/6/2021; chấp nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T, vắng mặt anh H. Chị T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã C, h. N;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Tình